

Bản án số 206/2020/HSST
Ngày 17/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 172/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HPT ngày 01/9/2020 đối với bị cáo:

LÊ ĐÌNH T, sinh năm 1996 tại tỉnh Nghệ An; Hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: Phòng trọ 131D đường Đ, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Cha: Lê Đình M, sinh năm 1963; Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con út; Vợ tên Văn Thị Q, sinh năm 1996; Có 01 con sinh ngày 27/01/2019; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/01/2020; hiện đang tại ngoại tại phòng trọ 131D đường Đ, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phạm Ngọc T, sinh năm 1994, địa chỉ: Số 151/20/15 đường L, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Võ Thị O, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 1626A đường B, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Võ Kim L, sinh 1986, địa chỉ: Số 52/4 đường B, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

4. Nguyễn Thị R, sinh năm 1964, địa chỉ: Số 842/16/4 đường B, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

5. Thái Thị Tuyết M, sinh năm 1963, địa chỉ: Số 97/7 đường P, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

6. Trần Thị Bích P, sinh năm 1996, địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

7. Nguyễn Ngọc Kim H, sinh năm 1990, địa chỉ: Số 796/4A đường M, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

8. Huỳnh Bé N, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 1628 đường M, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

9. Lê Thị Thu U, sinh năm 1999, địa chỉ: Số 1420/1 đường M, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

10. Lê Thị Kim A, sinh năm 1966, địa chỉ: Số 177B đường C, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

11. Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1962, địa chỉ: Số 110/18/8 đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

12. Huỳnh Thị T, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn B, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

13. Phạm Thị P, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn N, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

14. Lê Thị Xuân Th, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn H, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

15. Võ Thị Hồng Nga, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn B, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

16. Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn N, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

17. Lê Thị Kim L, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn M, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

18. Phạm Thị H, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn B, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định nên Lê Đình T đã nảy sinh ý định cho người khác vay lãi nặng để kiếm tiền tiêu xài cá nhân. T bắt đầu thực hiện hành vi cho vay lãi nặng từ tháng 03/2019 với số vốn bỏ ra ban đầu là 70.000.000^d (bảy mươi triệu đồng). Hàng ngày, T đi phát tờ rơi cho vay trả góp, nội dung tờ rơi có ghi các số điện thoại 0778703256 và số điện thoại 0336493733 để người nào có nhu cầu vay tiền thì liên hệ với T. Sau khi nhận được cuộc gọi đến từ người có nhu cầu vay tiền, T đến nhà họ để xác minh thông tin của người vay rồi mới đưa tiền cho vay. Cách thức cho vay như sau: T chỉ cho người có nhu cầu vay số tiền dao động từ 3.000.000^d đến 20.000.000^d. Tiền gốc và lãi phải đóng theo từng ngày (thời hạn vay 24 ngày hoặc 30 ngày tùy theo thỏa thuận). Trường hợp người vay không có khả năng trả nợ đúng hạn thì phải đáo hạn (vay thêm khoản vay mới để chi trả cho khoản vay cũ).

Quá trình điều tra xác minh những người vay, cơ quan điều tra đã làm việc và xác định được 18 người vay, tổng tiền T bỏ ra cho vay ban đầu là **70.000.000đ**, tổng số tiền lãi thu được là **67.993.334đ**, số tiền lãi theo quy định của pháp luật là **5.283.108đ**, tổng số tiền thu lợi bất chính là **62.710.226đ** (có bản phụ lục kèm theo). T cho vay với lãi suất khoảng từ 0,67% - 01%/ngày (cao gấp từ 12 - 20 lần so với mức lãi xuất của nhà nước quy định là 0,05%/ngày) (Có bảng thống kê kèm theo).

Cách thức tính tiền thu lợi bất chính và phần trăm lãi suất của đối tượng cho vay như sau:

- Tiền thu lợi bất chính = tiền lãi suất các đối tượng thu được theo hợp đồng – tiền lãi suất được hưởng theo quy định của nhà nước (20%/năm).

- Trong đó:

+ Tiền lãi suất đối tượng thu được = tiền lãi trong 01 ngày x số ngày mà người vay đã đóng (tiền lãi trong 01 ngày = tiền lãi của toàn bộ hợp đồng : số ngày vay X số ngày đã đóng tiền góp).

+ Tiền lãi suất được hưởng theo quy định của Nhà nước = phần trăm lãi theo quy định của Nhà nước (tức 20% chia cho 365 ngày = 0,05%/ngày) X số tiền vay X số ngày mà người vay đã đóng.

- Phần trăm lãi suất của đối tượng cho vay = (tiền lãi của 01 ngày : số tiền vay X 100%) : % lãi suất theo quy định của nhà nước (tức 20% : 365 ngày = 0,05%/ngày).

Tại Cơ quan CSĐT Công an TP V, Lê Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. (Bút lục điều tra từ số 35 đến số 54).

Về tài sản và vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím, màu đen, gắn sim Viettel số 0336493733, gắn sim mobifone số 0778703256, số seri 1: 352883109127384, số seri 2: 352883109627383.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, số seri máy F2LSC494HFYO, dung lượng 128GB, số IMEI 359128071604041.

- Tiền Việt Nam đồng 7.000.000^d (bảy triệu đồng).

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 37E1-515.35, số máy: G3D4E561487, số khung: 0610HY537963.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lê Đình T, biển số 37E1-515.35 do Công an tỉnh Nghệ An cấp.

- 01 (một) giấy phép lái xe A1 tên Lê Đình T, số 790170292120.

- 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank tên LE DINH T, số 97043668 08999058029.

- 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank tên LE DINH T, số 9704 0507 1114 1106.

- 01 (một) chứng minh nhân dân tên Đồng Thị Ngọc A, số 273072801 do Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Các tài sản vật chứng trên hiện đã chuyển Cơ quan Thi hành án dân sự TP.V quản lý.

Bản cáo trạng số 164/CT-VKS ngày 12/6/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Lê Đình T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.V giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Đình T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị xử phạt bị cáo T hình phạt chính là phạt tiền từ 100 (một trăm) đến 120 (một trăm hai mươi) triệu đồng.

Về tiền thu lợi bất chính và xử lý vật chứng: đề nghị

- Tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo Lê Đình T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 62.710.226đ (sáu mươi hai triệu, bảy trăm mười ngàn, hai trăm hai mươi sáu đồng).

- Về xử lý vật chứng:

+ Đề nghị tịch thu sung công phương tiện phạm tội gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 37E1-515.35, số máy: G3D4E561487, số khung: 0610HY537963, kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lê Đình T, biển số 37E1-515.35 do Công an tỉnh Nghệ An cấp; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím, màu đen, gấn sim Viettel số 0336493733, gấn sim mobifone số 0778703256, số seri 1: 352883109127384, số seri 2: 352883109627383.

+ Đề nghị trả lại cho bị cáo tài sản, tiền do không có chứng cứ chứng minh liên quan đến tội phạm gồm: 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng, số seri máy F2LSC494HFYO, dung lượng 128GB, số IMEI 359128071604041; tiền Việt Nam đồng 7.000.000^d (bảy triệu đồng). Nhưng để bảo đảm thi hành án, đề nghị tiếp tục tạm giữ 7 (bảy) triệu đồng này của bị cáo.

- Trả lại tài liệu giấy tờ, về nhân thân không liên quan đến tội phạm cho bị cáo gồm:

+ 01 (một) giấy phép lái xe A1 tên Lê Đình T, số 790170292120.

+ 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank tên LE DINH T, số 97043668 08999058029.

+ 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank tên LE DINH T, số 9704 0507 1114 1106.

+ 01 (một) chứng minh nhân dân tên Đồng Thị Ngọc A, số 273072801 do Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Đề xuất xử lý về khoản lãi suất từ trên 20%/năm đã thu của người vay; khoản tiền gốc, lãi chưa thanh toán, bị cáo và người vay chưa hoặc không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Khi có căn cứ, có yêu cầu có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

Bị cáo Tuấn: không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo nhận lại xe mô tô vì xe này bị cáo mua trước đó, phục vụ chủ yếu cho cuộc sống sinh hoạt bình thường của bị cáo. Hoàn cảnh hiện tại của bị cáo khó khăn, vợ không có việc làm, đang nuôi con nhỏ. Đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, tất cả 18 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, trong những người vắng mặt có 06 người có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (Bà Phạm Ngọc Th, Trần Thị Bích P, Lê Thị Thu U, Lê Thị Kim A, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Thanh H); các trường hợp còn lại vắng mặt không có lý do mặc dù tất cả đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét xử vắng mặt 18 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Hành vi của bị cáo được xác định như sau:

Căn cứ lời khai nhận tại phiên tòa, đối chiếu lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là thống nhất, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Từ tháng 3/2019 đến tháng 12/2019, Lê Đình T đã cho nhiều người trên địa bàn thành phố V vay tiền với lãi suất cao hơn gấp nhiều lần lãi suất theo quy định trong Bộ luật Dân sự (cụ thể lãi suất từ 0,67% - 01%/ngày, cao gấp từ 12 - 20 lần so với mức lãi xuất của nhà nước quy định).

Hình thức, mức độ cho vay của bị cáo thực hiện như sau: Số tiền cho vay dao động từ 3.000.000đ đến 20.000.000đ, tiền gốc và lãi phải đóng theo từng ngày (thời

hạn vay 24 ngày hoặc 30 ngày tùy theo thỏa thuận). Trường hợp người vay không có khả năng trả nợ đúng hạn thì phải đáo hạn (vay thêm khoản vay mới để chi trả cho khoản vay cũ). Cách thức tính tiền thu lợi bất chính và phần trăm lãi suất của đối tượng cho vay như sau:

- Tiền thu lợi bất chính = tiền lãi suất các đối tượng thu được theo hợp đồng – tiền lãi suất được hưởng theo quy định của nhà nước (20%/năm)

- Trong đó:

+ Tiền lãi suất đối tượng thu được = tiền lãi trong 01 ngày x số ngày mà người vay đã đóng (tiền lãi trong 01 ngày = tiền lãi của toàn bộ hợp đồng : số ngày vay X số ngày đã đóng tiền góp).

+ Tiền lãi suất được hưởng theo quy định của Nhà nước = phần trăm lãi theo quy định của Nhà nước (tức 20% chia cho 365 ngày = 0,05%/ngày) X số tiền vay X số ngày mà người vay đã đóng.

- Phần trăm lãi suất của đối tượng cho vay = (tiền lãi của 01 ngày : số tiền vay X 100%) : % lãi suất theo quy định của nhà nước (tức 20% : 365 ngày = 0,05%/ngày)

Cơ quan điều tra đã xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2019 đến tháng 11/2019, làm rõ được **18** người vay, cụ thể như sau:

1. Chị Phạm Ngọc T bắt đầu vay ngày 03/9/2019, số tiền vay 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 24 ngày, lãi suất 0,83%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của chị T 118 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 2.522.465 đồng, chị T nợ số tiền gốc là 2.375.000 đồng.

2. Chị Võ Thị O bắt đầu vay ngày 26/8/2019, số tiền vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 30 ngày, lãi suất 0,67%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của chị O 110 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 3.365.296 đồng, chị O nợ số tiền gốc là 4.000.000 đồng.

3. Chị Võ Kim L bắt đầu vay ngày 31/8/2019, số tiền vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 43 ngày, lãi suất 0,67%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của chị L số tiền thu lợi bất chính là 2.664.383 đồng.

4. Bà Nguyễn Thị R bắt đầu vay ngày 18/8/2019, số tiền vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 30 ngày, lãi suất 0,67%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà R 104 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 3.181.735 đồng, bà R nợ số tiền gốc là 2.833.339 đồng.

5. Bà Thái Thị Tuyết M vay 02 đợt:

- Đợt 1: Bắt đầu vay ngày 11/8/2019, số tiền vay 2.500.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 30 ngày, lãi suất 0,67%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà M 56 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 3.365.296 đồng, bà M nợ số tiền gốc là 833.330 đồng.

- Đợt 2: Bắt đầu vay ngày 23/8/2019, số tiền vay 2.500.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 30 ngày, lãi suất 0,67%/ngày. Tính đến

ngày bị phát hiện, T đã thu của bà M 95 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 1.453.196 đồng, bà M nợ số tiền gốc là 1.416.661 đồng.

6. Chị Trần Thị Bích P bắt đầu vay ngày 04/10/2019, số tiền vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 30 ngày, lãi suất 0,67%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của chị P 81 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 2.478.082 đồng, chị nợ số tiền gốc là 4.500.009 đồng.

7. Chị Nguyễn Ngọc Kim H bắt đầu vay ngày 18/12/2019, số tiền vay 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 24 ngày, lãi suất 1%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của chị H 08 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 186.849 đồng, chị H nợ số tiền gốc là 2.000.000 đồng.

8. Bà Huỳnh Bé N bắt đầu vay ngày 18/10/2019, số tiền vay 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 24 ngày, lãi suất 0,83%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà N 63 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 1.588.219 đồng, bà N nợ số tiền gốc là 2.000.004 đồng.

9. Chị Lê Thị Thu U bắt đầu vay ngày 30/8/2019, số tiền vay 4.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 25 ngày, lãi suất 1%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, Tuấn đã thu của chị U 103 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 3.894.246 đồng, chị U nợ số tiền gốc là 2.080.004 đồng.

10. Bà Lê Thị Kim A vay 03 đợt:

- Đợt 1: Bắt đầu vay ngày 20/9/2019, số tiền vay 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 24 ngày, lãi suất 0,83%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà Kim A số tiền thu lợi bất chính là 467.123 đồng.

- Đợt 2: Bắt đầu vay ngày 12/10/2019, số tiền vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 30 ngày, lãi suất 0,67%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà K số tiền thu lợi bất chính là 1.027.671 đồng.

- Đợt 3: Bắt đầu vay ngày 27/11/2019, số tiền vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 30 ngày, lãi suất 0,67%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà K số tiền thu lợi bất chính là 826.027 đồng.

Bà Kim Anh đã trả hết tiền cho Tuấn.

11. Bà Nguyễn Thị Thanh H vay 02 đợt:

- Đợt 1: Bắt đầu vay ngày 22/8/2019, số tiền vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 30 ngày, lãi suất 0,67%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà H 124 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 3.793.607 đồng, bà H nợ số tiền gốc là 4.791.682 đồng.

- Đợt 2: Bắt đầu vay ngày 30/8/2019, số tiền vay 1.000.000 đồng, mỗi ngày trả 50.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 24 ngày, lãi suất 0,83%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà H 116 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 903.105 đồng, bà H nợ số tiền gốc là 708.339 đồng.

12. Bà Huỳnh Thị T bắt đầu vay ngày 27/8/2019, số tiền vay 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 24 ngày, lãi suất

0,83%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà T số tiền thu lợi bất chính là 2.802.739 đồng, bà T đã trả hết tiền cho Tuấn.

13. Bà Phạm Thị P bắt đầu vay ngày 24/8/2019, số tiền vay 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 24 ngày, lãi suất 0,83%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà P 124 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 2.896.164 đồng, bà P nợ số tiền gốc là 500.000 đồng.

14. Bà Lê Thị Xuân T bắt đầu vay ngày 06/9/2019, số tiền vay 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 24 ngày, lãi suất 0,83%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà T 76 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 1.775.068 đồng.

15. Bà Võ Thị Hồng N bắt đầu vay ngày 30/9/2019, số tiền vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 24 ngày, lãi suất 0,67%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà N 99 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 7.707.534 đồng.

16. Chị Nguyễn Thanh T vay 02 đợt:

- Đợt 1: Bắt đầu vay ngày 30/8/2019, số tiền vay 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 30 ngày, lãi suất 0,83%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của chị T 85 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 1.985.273 đồng.

- Đợt 2: Bắt đầu vay ngày 06/12/2019, số tiền vay 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 24 ngày, lãi suất 0,83%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của chị T 19 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 443.767 đồng.

17. Bà Lê Thị Kim L bắt đầu vay ngày 03/9/2019, số tiền vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 24 ngày, lãi suất 0,83%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà L 111 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 8.641.780 đồng, bà L nợ số tiền gốc là 7.916.673 đồng.

18. Bà Phạm Thị H vay 02 đợt:

- Đợt 1: Bắt đầu vay ngày 28/8/2019, số tiền vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 24 ngày, lãi suất 0,83%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà H 17 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 4.593.379 đồng, bà H còn nợ số tiền gốc là 3.541.678 đồng.

- Đợt 2: Bắt đầu vay từ ngày 03/9/2019 đến ngày 26/12/2019, số tiền vay 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng (cả gốc và lãi) trong thời hạn 24 ngày, lãi suất 0,83%/ngày. Tính đến ngày bị phát hiện, T đã thu của bà H 112 ngày, số tiền thu lợi bất chính là 2.615.890 đồng, bà H còn nợ số tiền gốc là 1.750.000 đồng.

(Có bảng thống kê, bị cáo kiểm tra xác nhận số liệu tính toán của 18 người vay kèm theo).

Như vậy, theo hồ sơ, hợp đồng vay thể hiện, bị cáo cho **18** người vay cụ thể nêu trên, tổng số tiền thu lợi bất chính là **62.710.226đ** (sáu mươi hai triệu, bảy trăm mười ngàn, hai trăm hai mươi sáu đồng).

Hành vi của bị cáo Lê Đình T đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến hoạt động quản lý của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; hành vi phạm tội của bị cáo tiềm tàng nguy cơ phát sinh những hành vi phạm pháp khác mà trong thời gian qua đã xảy ra như: cố ý gây thương tích, cưỡng đoạt tài sản, công nhiên chiếm đoạt tài sản... Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì lợi nhuận mà vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo còn gây bất an cho cộng đồng, mất trật tự trị an cho xã hội. Do đó, cần tuyên mức hình phạt phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội để đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Quá trình cho vay thể hiện sự ôn hòa, bị cáo không có những hành vi dụ dỗ, lôi kéo, khống chế, tạo áp lực hoặc gây sức ép đối với người vay cũng không có những hành vi thái quá làm ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe của người vay. Ngoài ra, tại phiên tòa, bị cáo cung cấp hồ sơ bệnh án của con bị cáo là cháu Lê Đình T (sinh ngày 27/01/2019) bị bệnh tim bẩm sinh; vợ đang nuôi con nhỏ bị bệnh lại không có việc làm. Do đó, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng và tiền thu lợi bất chính:

[6.1] Tiền thu lợi bất chính: Quá trình làm việc, người vay không có ý kiến hoặc không yêu cầu nhận lại số tiền thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay của mình nên buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 62.710.226đ (sáu mươi hai triệu, bảy trăm mười ngàn, hai trăm hai mươi sáu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Những khoản lãi suất, tiền gốc chưa trả. Bị cáo và người vay không có yêu cầu. Người vắng mặt cũng chưa có ý kiến yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Khi có yêu cầu và có căn cứ được quyền yêu cầu giải quyết ở vụ kiện dân sự khác.

[6.2] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia bàn phím, màu đen gắn sim số 0336493733 và sim số 0778703256 là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu hồng số seri F2LSC494HFYO, số Imei 359128071604041 do không đủ căn cứ chứng minh liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 37E1-515.35, số máy: G3D4E561487, số khung: 0610HY537963 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lê Đình T do Công an tỉnh Nghệ An cấp xác định không phải phương tiện phạm tội trong tội danh mà bị cáo đang bị xử lý nên trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) giấy phép lái xe A1 tên Lê Đình T, số 790170292120; 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank tên LE DINH T, số 97043668 08999058029; 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank tên LE DINH T, số 9704 0507 1114 1106; 01 (một) chứng minh nhân dân tên Đồng Thị Ngọc A, số 273072801 do Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp do không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) thu của Tuấn không có chứng cứ chứng minh là tiền liên quan đến tội phạm nên không tịch thu sung công nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Khoản lãi suất từ trên 20%/năm đã thu của người vay; khoản tiền gốc, lãi chưa thanh toán, bị cáo và người vay chưa hoặc không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Khi có căn cứ, có yêu cầu có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Đình T** phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt **Lê Đình T** hình phạt chính là phạt tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

* Tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo Lê Đình T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 62.710.226đ (sáu mươi hai triệu, bảy trăm mười ngàn, hai trăm hai mươi sáu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

* Về xử lý vật chứng:

- Không sung công nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) thu của bị cáo T để bảo đảm thi hành án.

Tịch thu sung công: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia bàn phím, màu đen gắn sim số 0336493733 và sim số 0778703256 của bị cáo;

Trả lại cho bị cáo:

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 37E1-515.35, số máy: G3D4E561487, số khung: 0610HY537963 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lê Đình T do Công an tỉnh Nghệ An cấp.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu hồng số seri F2LSC494HFYO, số Imei 359128071604041; 01 (một) giấy phép lái xe A1 tên Lê Đình Tuấn, số 790170292120; 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank tên LE DINH T, số 97043668 08999058029; 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank tên LE DINH T, số 9704 0507 1114 1106; 01 (một) chứng minh nhân dân tên Đồng Thị Ngọc A, số 273072801 do Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Khoản lãi suất từ trên 20%/năm đã thu của người vay; khoản tiền gốc, lãi chưa thanh toán, bị cáo và người vay không hoặc chưa có ý kiến, yêu cầu giải quyết trong vụ án. Khi có căn cứ, có yêu cầu có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

3. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng những người có quyền kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh BR–VT (PV06, PC 10);
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

